

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 20-12-2021
V/v tranh chấp đòi tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Minh T, sinh năm 1956; cư trú tại: khu phố AL, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:*

Ông Lê Phương H, sinh năm 1964; cư trú tại: khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967; cư trú tại: khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1986; cư trú tại: Nhà số 158/28/17 Phạm Văn Chiêu, phường A, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Anh Lê Minh Q, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Số 36/3, ấp TH, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Ông Lê Thành P, sinh năm 1962; có mặt.

4. Bà Lê Thị N, sinh năm 1952; vắng mặt.

5. Bà Lê T M1, sinh năm 1959; vắng mặt.

6. Bà Lê Hoàn M2, sinh năm 1967; vắng mặt.

7. Anh Lê Phương H1, sinh năm 1993; có mặt.

Cùng cư trú tại: khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

8. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1947; cư trú tại: Số nhà 413/7B, ấp MK, xã TM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp LB, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-9-2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14-10-2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Minh T trình bày:

Bà và ông Lê Phương H là anh em ruột với nhau, còn bà Nguyễn Thị A là chị dâu của bà. Cha tên Lê Văn P (chết năm 1970) và mẹ tên Lê Thị X (chết năm 2010). Cha mẹ bà có tất cả 08 người con gồm: Lê Thành H2; Lê Thị N; Lê Thành L (đã chết không nhớ năm) có vợ tên Nguyễn Thị A, bà A và ông L có 02 người con gồm Lê Thị Minh H và Lê Minh Q; bà Lê Minh T; Lê T M1; Lê Thành P; Lê Phương H và Lê Hoàn M2.

Vào năm 1994, mẹ bà có đứng ra phân chia mỗi người con phần đất 192m² (không có chia cho ông H2 vì ông H2 đã được chia rồi). Khi chia đất có làm tờ chúc thư giao cho mỗi người con giữ 01 bản. Do điều kiện bà cùng chồng đi làm ăn xa nên không có ở địa phương. Do đó, bà không tiến hành đăng ký kê khai phần đất 192m² mà mẹ chia cho. Sau đó, bà mới biết phần đất này đã do ông H, vợ chồng ông Long bà A kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện ngày 03-9-2019, bà yêu cầu ông H, bà A cùng các con bà A trả lại phần đất diện tích 192m² tại các thửa 53, 54, tờ bản đồ số 14, tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14-10-2020, bà yêu cầu ông Lê Phương H trả lại bà phần đất diện tích 105m² trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21); bà Nguyễn Thị A và các con bà A trả lại bà phần đất diện tích 32,2m² trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 53, tờ bản đồ số 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông H trả lại phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21); yêu cầu bà A và anh Q, chị H trả lại phần đất diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 53, tờ bản đồ số 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Bà đồng ý cho ông H lưu cư trên đất 01 năm 06 tháng (kể từ ngày xét xử sơ thẩm 20-12-2021), sau đó, ông H có nghĩa vụ tự di dời công trình trên đất để giao đất cho bà sử dụng. Bà không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho ông H.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Phương H trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng về họ tên cha mẹ, các anh chị em. Ông thừa nhận vào năm 1994, mẹ ông có đứng ra chia cho mỗi người con phần đất diện tích 192m² như lời trình bày của bà T. Ông không có đăng ký kê khai phần đất mẹ chia cho mà do vợ ông là Nguyễn Thị N1 đi đăng ký. Ông cũng không biết phần đất mình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 286m². Nay ông đồng ý trả lại phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh như yêu cầu của bà T. Nhưng do phần đất ông trả lại cho bà T có 01 phần căn nhà dưới của ông nên ông yêu cầu tiếp tục ở trên đất 01 năm 06 tháng. Sau đó, ông sẽ trả lại phần đất này cho bà T và không yêu cầu bà T hỗ trợ chi phí di dời. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 912612 do ông và bà N1 đứng tên, hiện do anh Lê Phương H1 (con của ông giữ). Tại phiên tòa, ông H nhận một mình chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của bà T, ông H là đúng. Việc bà và ông L được cấp phần đất diện tích 250m² là do tự kê khai đăng ký. Bà không biết có phần diện tích của bà T. Nay bà đồng ý trả lại phần đất diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố Hòa Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh như yêu cầu bà T.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Chị Lê Thị Minh H3, anh Lê Minh Q trình bày:* Anh, chị là con của bà A và ông Long. Phần đất tranh chấp giữa bà T và mẹ anh chị có nguồn gốc là của ông bà nội chia cho cha mẹ chị. Nay anh chị đồng ý trả lại phần đất mà cha mẹ đã đăng ký dư cho bà T theo yêu cầu của bà T.

- *Ông Lê Thành H2 trình bày:* Ông là anh của bà T, ông H. Ông biết được phần đất mà bà T tranh chấp với ông H, bà A có nguồn gốc của mẹ chia cho. Nguyên nhân tranh chấp giữa bà T và ông H, bà A thì ông không biết. Nay bà T khởi kiện đối với ông H, bà A thì ông không có ý kiến và cũng không tranh chấp đối với phần đất này.

- *Ông Lê Thành P, bà Lê Tuyết M1, bà Lê Hoàn M2 trình bày:* ông, bà là anh chị, em của bà T, ông H. Khi mẹ ông bà còn sống đã chia đất cho các con mỗi người được hưởng 192m², có làm “Tờ chúc thư”. Sau khi được chia đất, ông bà đã được giao đất quản lý sử dụng và tiến hành đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa bà T và ông H, bà A là do ông H, bà A đã đăng ký kê khai luôn cả phần diện tích mà bà T được chia. Nay bà T khởi kiện đối với ông H, bà A thì ông bà không có ý kiến và cũng không tranh chấp đối với phần đất này.

- *Anh Lê Phương H1 trình bày:* Anh là con của ông Lê Phương H. Vào năm 2018, ông H có giao cho anh giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 912612. Anh đã làm thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H, bà N1 đứng tên.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử có quá hạn, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà Nguyễn Thị N1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi tài sản của bà Lê Minh T đối với ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị A, anh Lê Minh Q, chị Lê Thị Minh H.

Buộc ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Minh T phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà Nguyễn Thị A, chị Lê Thị Minh H và anh Lê Minh Q có trách nhiệm trả cho bà Lê Minh T phần đất diện tích 29,2m² trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Ghi nhận bà Lê Minh T đồng ý cho ông Lê Phương H được lưu cư trên đất 01 năm 06 tháng kể từ ngày xét xử, sau đó tự thu dọn, tháo dỡ nhà trên đất, không yêu cầu hỗ trợ chi phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H2, bà M1, bà N, bà M2, chị H, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Vào ngày 03-9-2019, bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà A cùng các con bà A chia cho bà phần đất diện tích 192m² trong thửa 53, 54, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào “Tờ chúc thư” do cụ Lê Thị X lập ngày 04-12-1994 và qua làm việc những người

thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ X gồm ông Lê Thành H2, bà Lê Thị N; bà Lê T M1, ông Lê Thành P, bà Lê Hoàn M2 thì việc tranh chấp giữa bà T đối với ông H, bà A thì ông, bà không có ý kiến gì. Mặt khác, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà A trả lại cho bà phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21); yêu cầu bà A và anh Q, chị H yêu cầu trả lại phần đất diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T thấy rằng: Bà cho rằng vào năm 1994, mẹ của bà là cụ Lê Thị X chia cho mỗi anh em của bà phần đất diện tích 192m², trong đó, bà cũng được chia phần đất 192m². Tuy nhiên, do điều kiện đi làm ăn xa không sống ở địa phương nên bà không có kê khai đăng ký phần đất được mẹ chia cho. Đến năm 2018, bà tiến hành đăng ký kê khai nhưng phát hiện phần đất bà được chia ông H, bà A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà A trả lại bà phần đất diện tích 192m². Sau đó, do ông H tự nguyện đồng ý trả lại đất cho bà nên giữa bà và ông H có lập giấy thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất theo đó, ông H đồng ý trả lại phần đất có diện tích ngang trước (giáp đất bà A) dài 4,5m; ngang sau 04m; dài 20,17m. Mặc dù đồng ý trả lại đất nhưng ông H không tự thực hiện như thỏa thuận nên bà T tiếp tục khởi kiện để yêu cầu ông H, bà A cùng các con bà A trả lại đất. Bà T yêu cầu ông H trả lại phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21); yêu cầu bà A và anh Q, chị H trả lại phần đất diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Ông H, bà A cùng anh Q, chị H3 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông H, bà N1; ông H, bà N1 có nghĩa vụ trả lại bà T phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh cho bà T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà A, chị H3, anh Q; bà A và anh Q, chị H có nghĩa vụ trả lại phần đất diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh cho bà T.

Công nhận phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21) và diện tích 29,2m², trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21); hai phần đất tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của bà T.

Đối với phần tài sản gồm 01 phần căn nhà tường, mái lợp ngói, xây không tô có diện tích 20m² trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới

2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21) do ông H quản lý sử dụng. Tại tòa, bà T đồng ý cho ông H tiếp tục lưu cư trong thời hạn 01 năm 06 tháng kể từ ngày xét xử (ngày 20-12-2021). Hết thời hạn, ông H có nghĩa vụ đập bỏ, di dời đi nơi khác để giao lại đất cho bà T mà không yêu cầu bà T hỗ trợ chi phí. Việc thỏa thuận giữa bà T và ông H là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đối với phần đất 86,8m² có giá trị theo biên bản định giá là 450.074.000đồng. Do ông H đã đồng ý trả cho bà T trước khi mở phiên tòa xét xử. Vì vậy, ông H, bà N1 phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là: (20.000.000 đồng + 50.074.000 đồng x 4%) : 2 = 11.001.480 đồng (làm tròn 11.001.000 đồng). Nhưng do tại tòa ông H nhận một mình chịu án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với phần đất 29,2m² có giá trị theo biên bản định giá là 151.407.000 đồng. Do bà A và chị H, anh Q cũng đồng ý trả lại đất cho bà T trước khi mở phiên tòa xét xử. Vì vậy, bà A, chị H và anh Q phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 151.407.000 đồng x 5% : 02 = 3.785.175 đồng (làm tròn 3.785.000 đồng).

Đối với chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 4.000.000 đồng, ghi nhận bà T nhận chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh T Tranh chấp đòi tài sản đối với ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1 đối với phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lược 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

1.1 Bà Lê Minh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lược 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 53 (đất bà A) dài 4,74m;

Hướng Tây giáp thửa 62 (đất ông Thọ) dài 4,0m;

Hướng Nam thửa 55 (đất ông H còn lại) dài 19,97m;

Hướng Bắc giáp thửa 47 (đất ông P) dài 20,17m.

(có sơ đồ kèm theo)

1.2 Ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh cho bà Lê Minh T được quyền sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh T “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bà Nguyễn Thị A, chị Lê Thị Minh H3, anh Lê Minh Q đối với phần đất diện tích 29,2m² trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Bà Lê Minh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 29,2m² trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường nhựa dài 5,0m;

Hướng Tây giáp thửa 55 (đất ông H còn lại) dài 4,74m;

Hướng Nam thửa 53 (đất bà A còn lại) dài 6,92m;

Hướng Bắc giáp thửa 47 (đất ông P) dài 5,27m.

(có sơ đồ kèm theo)

2.2. Bà Nguyễn Thị A, chị Lê Thị Minh H3, anh Lê Minh Q có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 29,2m² trong thửa 54, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa 53, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh cho bà Lê Minh T được quyền sử dụng.

3. Kiến nghị các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H03799 ngày 16-5-2008 do ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1 đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H03803 ngày 16-5-2008 do ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị A; cấp lại cho bà Lê Minh T như quyết định của Bản án đã tuyên.

4. Ông Lê Phương H được tiếp tục lưu cư trên phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố Hòa Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày 20-12-2021. Hết thời hạn này ông Lê Phương H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ, đập bỏ 01 phần căn nhà tường, mái lợp N1, xây không tô có diện tích 20m² đi nơi khác khỏi phần đất diện tích 86,8m², trong thửa 53, tờ bản đồ 14 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 55, tờ bản đồ 21), tọa lạc khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh để giao lại đất cho bà T sử dụng. Ghi nhận ông H không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Phương H phải chịu 11.001.000 (Mười một triệu không trăm linh một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A, chị Lê Thị Minh H3 và anh Lê Minh Q phải chịu 3.785.000 (Ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chi phí tố tụng khác: chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, ghi nhận bà T nhận chịu (bà T đã nộp đủ).

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm